

Số: 2007/QĐ-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chuẩn đầu ra 03 ngành đào tạo trình độ đại học
của Trường Đại học Lao động - Xã hội**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-LĐTBXH ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chuẩn đầu ra của 03 ngành đào tạo sau (theo văn bản chi tiết kèm theo):

1. Ngành Kinh tế (Chuyên ngành Kinh tế lao động)
2. Ngành Luật kinh tế
3. Ngành Tâm lý học

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chuẩn đầu ra này áp dụng tại Trường Đại học Lao động - Xã hội từ năm học 2017-2018.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trưởng khoa Đào tạo thường xuyên, và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BGH
- Website
- Lưu: VT, P. KH&HTQT.



CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÂM LÝ HỌC

Kèm theo Quyết định số : 2007 /QĐ-ĐHLĐXH ngày 27 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

1. Tên chuyên ngành:

Tiếng Việt : Tâm lý học

Tiếng Anh : Psychology

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tâm lý học cần đạt chuẩn kiến thức sau:

Kiến thức giáo dục đại cương: Nắm vững những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách của Đảng cộng sản Việt Nam, kiến thức đại cương về toán học, pháp luật đại cương, thống kê toán, các nguyên lý cơ bản về kinh tế, ngoại ngữ và giáo dục thể chất.

Kiến thức cơ sở ngành và ngành: Nắm vững các kiến thức hỗ trợ các hoạt động, Công tác xã hội, An sinh xã hội, Hành vi con người và môi trường xã hội, Xã hội học đại cương, Đại cương văn hóa Việt Nam.

Kiến thức chuyên ngành: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo: các phương pháp thực hành Tâm lý học, Kỹ năng giao tiếp, Tâm lý học xã hội, Tâm lý học kinh doanh, Tâm lý học lâm sàng, Tâm lý học đại cương, Tâm lý học lao động, Tham vấn và thực hành tham vấn, Tâm bệnh học.

4. Yêu cầu về kỹ năng

Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau: sinh viên được đào tạo về các kỹ năng mềm và các kỹ năng nghề nghiệp như kỹ năng thiết kế và triển khai nghiên cứu; kỹ năng nghề nghiệp trong từng lĩnh vực chuyên sâu của ngành Tâm lý học như Tâm lý học xã hội, Tâm lý học kinh doanh, Tâm lý học lâm sàng, Tham vấn và thực hành tham vấn.

Vận dụng được các kỹ năng cơ bản, xử lý các vấn đề về căng thẳng trong gia đình, tại nơi làm việc như: kỹ năng thiết kế nghiên cứu tâm lý, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư vấn tuyển dụng nhân sự, kỹ năng tổ chức lao động và quản lý nhân sự, kỹ năng tâm lý trong tổ chức lao động, kỹ năng tham vấn tâm lý cho cá nhân, nhóm, tham vấn qua điện thoại.

Vận dụng các kỹ năng mềm khác như: kỹ năng học và tự học, kỹ năng tư duy sáng tạo và giải quyết vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, kỹ năng quản lý thời gian.

Về thái độ, phẩm chất đạo đức

Sinh viên có thái độ tôn trọng pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước, hòa đồng với đồng nghiệp, thân chủ. Rèn luyện phẩm chất đạo đức cá nhân như tôn trọng và yêu thương con người, tinh thần tự học, làm chủ bản thân, có tinh thần vì cộng đồng, thân thiện với môi trường, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề tâm lý.

Về phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp

Luôn tôn trọng, yêu thương con người và tinh thần tự học, làm chủ bản thân. Có tinh thần vì cộng đồng, thân thiện với môi trường. Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề tâm lý (giữ bí mật, vì lợi ích của khách hàng, trung thực, tôn trọng khách hàng)

5. Trình độ ngoại ngữ và tin học

Sinh viên Tâm lý học tốt nghiệp chương trình đào tạo tín chỉ bậc đại học sẽ có thể đạt được trình độ tiếng Anh tương đương bằng TOEIC 400; Có trình độ tin học văn phòng tương đương trình độ B, (soạn thảo văn bản hành chính thông dụng). Sử dụng được phần mềm SPSS và những phần mềm khác cần thiết cho công việc

6. Những vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Trong các cơ sở đào tạo (làm giáo viên giảng dạy Tâm lý học tại các Trường Cao Đẳng, Đại học...);
- Trong các cơ sở nghiên cứu (làm cán bộ nghiên cứu, cán bộ dự án phát triển cộng đồng tại các Viện Tâm lý học, các Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng Tâm lý học, các Tổ chức Phi Chính phủ trong và ngoài nước...);
- Trong các công ty, trung tâm làm dịch vụ tư vấn tâm lý (tư vấn viên, cán bộ trị liệu...);
- Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh (nhân viên phòng Nhân sự; Phòng Marketing; Thiết kế quảng cáo, Nghiên cứu thị trường...);
- Trong các bệnh viện (làm cán bộ trị liệu tâm lý cho trẻ em và người lớn);
- Trong các tổ chức đoàn thể, chính quyền (cán bộ Đoàn, Đảng, cán bộ tuyên giáo...) ở các địa phương trong cả nước.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (*Thạc sĩ, Tiến sĩ*) trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài;

- Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học.

8. Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra đã tham khảo

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, Hướng dẫn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, (*Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015*).

- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục đại học*.

- Trường Đại học Lao động Xã hội (2015), Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 5/08/2015).

- Chương trình đào tạo Tâm lý học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 1.

- Chương trình đào tạo Tâm lý học của Trường Đại học Khoa học và Nhân văn - Đại học quốc gia Hà Nội.

- Chương trình đào tạo Tâm lý học của Trường Đại học Khoa học và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *ny*



**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ LAO ĐỘNG**

*Kèm theo Quyết định số : 2007/QĐ-ĐHLĐXH ngày 27 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội*

1. Tên chuyên ngành:

Tiếng Việt : Kinh tế Lao động

Tiếng Anh : Labour Economic

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế Lao động đạt chuẩn kiến thức sau:

Đạt chuẩn về kiến thức giáo dục đại cương theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với ngành Kinh tế nói chung và Kinh tế Lao động; nắm vững những nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ đại học;

Có kiến thức cơ bản về phân tích và quản lý kinh tế, bao gồm: những nguyên lý cơ bản về kinh tế học, quản lý kinh tế, thống kê;

Đảm bảo kiến thức căn bản, cập nhật và phát triển về kinh tế và quản lý kinh tế, bao gồm những kiến thức về kinh tế học ứng dụng trong quản lý, kinh tế phát triển và những kiến thức cơ sở về kinh tế và quản lý kinh tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô;

Nắm vững những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về kinh tế lao động được trang bị những kiến thức và tri thức về Kinh tế học nói chung và Kinh tế lao động nói riêng, vận dụng được vào thực tiễn để tham gia giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tế có liên quan tới lao động – xã hội của ngành, địa phương và doanh nghiệp để ra quyết định về chính sách, định hướng phát triển, hoạch định các giải pháp kinh tế đặt ra trong bối cảnh hội nhập mở cửa và phát triển;

Sinh viên tốt nghiệp nắm được cách thức để quản trị nguồn lực trong doanh nghiệp, để phân tích chính sách lao động xã hội, để xây dựng kế hoạch lao động xã hội địa phương, để phân tích và thẩm định dự án trong lĩnh vực lao động xã hội.

4. Yêu cầu về kỹ năng

Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn các kỹ năng chung căn bản của ngành kinh tế và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành kinh tế lao động. Cụ thể:

4.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá tác động của môi trường kinh tế - xã hội, đặc biệt là các công cụ quản lý nhà nước đến các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế;

- Kỹ năng nghiên cứu và phân tích lao động xã hội;

- Kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề kinh tế lao động; thị trường lao động;

- Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức và quản lý nguồn nhân lực tại doanh nghiệp; phân tích được tình hình dân số, nguồn nhân lực, đề xuất ý kiến nhằm tăng cường quản lý nhà nước về lao động, dạy nghề và xuất khẩu lao động.

- Kỹ năng tổng hợp và lập báo cáo các vấn đề nghiên cứu về quản trị nhân lực và kinh tế lao động ở các cấp độ khác nhau của nền kinh tế và tại doanh nghiệp;

- Kỹ năng phân tích công việc, tổ chức lao động, định mức lao động, hoạch định nhân lực, quản trị thù lao lao động, xây dựng thang bảng lương quy chế trả lương trả thưởng, kỹ năng đánh giá kết quả thực hiện công việc, đào tạo phát triển nhân lực, tuyển dụng, an toàn vệ sinh lao động...

4.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về kinh tế lao động;

- Có khả năng tổ chức công việc, giao tiếp cá nhân, tổ chức liên quan và khả năng làm việc độc lập;

- Kỹ năng thuyết trình;

- Kỹ năng ngoại ngữ: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh theo quy định của Trường tại.

- Kỹ năng tin học: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có thể sử dụng phần mềm quản lý nhân lực;

5. Yêu cầu về thái độ

Sinh viên sau khi tốt nghiệp phải đạt được các chuẩn về thái độ, hành vi sau:

- Có phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, có bản lĩnh chính trị vững vàng. Luôn đề cao ý thức nghề nghiệp;

- Có ý thức quan tâm đến cộng đồng. Tích cực phát hiện và tham gia giải quyết những vấn đề về kinh tế lao động, quản trị nhân lực ở cả tầm vĩ mô và vi mô đặt ra;

- Tự lập, chủ động trong học tập và nghiên cứu. Có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc, có bản lĩnh và tinh thần học tập vươn lên khẳng định năng lực bản thân;

- Tác phong làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc. Có năng lực làm việc trong môi trường cạnh tranh, hội nhập và phát triển.

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành kinh tế /chuyên ngành kinh tế lao động của Trường Đại học Lao động Xã hội có thể làm việc tại các bộ phận, cơ quan sau:

6.1. Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau:

Tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp:

- Lĩnh vực lao động xã hội thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, các tổ chức có liên quan trong lĩnh vực này;

- Bộ phận tổ chức lao động, tổ chức hành chính, lao động tiền lương tại các cơ quan quản lý, hành chính sự nghiệp nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội;

Tại các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế:

- Bộ phận nhân lực, tổ chức hành chính, tổ chức lao động tại doanh nghiệp;

- Bộ phận nghiên cứu, tư vấn, giảng viên giảng dạy về Kinh tế lao động, Quản trị nhân lực tại các trường đại học cao đẳng, học viện, công ty tư vấn trong lĩnh vực Kinh tế lao động, Quản trị nhân lực;

6.2. Các cơ quan và doanh nghiệp có khả năng và cơ hội việc làm phù hợp:

- Các bộ phận của các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan tới quản lý kinh tế của các bộ, ngành ở TW, các sở ngành ở địa phương; Các tổ chức quốc tế có liên quan đến kinh tế và quản lý kinh tế.

- Các tổ chức kinh tế khác không phải là doanh nghiệp; Các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo về kinh tế và quản lý kinh tế; Các trung tâm nghiên cứu và

tư vấn về kinh tế và quản lý kinh tế; Tự thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế theo qui định của pháp luật.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Trên nền tảng các kiến thức và kỹ năng đã được trang bị, sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (*Thạc sĩ, Tiến sĩ*) trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài;

- Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học.

8. Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra đã tham khảo

- Bộ Giáo dục & Đào tạo (2010), Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, Hướng dẫn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/04/2010.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, (*Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015*).

- Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2012), *Luật Giáo dục đại học*.

- Trường Đại học Lao động Xã hội (2015), Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 5/08/2015).

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Lao động của Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế Lao động và Quản lý NNL của Đại học kinh tế TP HCM (Ban hành kèm theo Quyết định số 1999/QĐ-ĐHKT-QLKH-HTQT ngày 19/11/2009).

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế và Quản lý NNL của Đại học Kinh tế quốc dân (Ban hành kèm theo Quyết định số 455/QĐ-ĐHKTQD ngày 16/5/2013) *mc*



CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH LUẬT KINH TẾ

*Kèm theo Quyết định số : 2007/QĐ-ĐHLDXH ngày 27 tháng 10 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội*

1. Tên ngành đào tạo:

Tiếng Việt : Luật kinh tế
Tiếng Anh : Economic Law

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Về kiến thức

- Nắm vững kiến thức giáo dục đại cương, bao gồm các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn ở trình độ đại học.

- Đảm bảo kiến thức căn bản thuộc lĩnh vực luật, bao gồm lý luận nhà nước và pháp luật, lịch sử nhà nước và pháp luật, luật hiến pháp, luật hình sự, luật dân sự, luật hành chính, công pháp quốc tế và tư pháp quốc tế...

- Nắm vững kiến thức pháp luật chuyên sâu thuộc lĩnh vực kinh tế, bao gồm: kinh doanh - thương mại, xuất nhập khẩu, tài chính - ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, đầu tư, môi trường, đất đai, lao động, cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, hợp đồng, sở hữu trí tuệ, tổ tụng dân sự...

- Có kiến thức cơ bản để giải quyết các mối quan hệ về tổ chức, điều hành, quản lý trong lĩnh vực kinh tế.

- Có kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành đào tạo khác của Trường Đại học Lao động - Xã hội và các trường thuộc khối ngành Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, bao gồm những kiến thức nền ngành luật, kinh tế, tài chính - ngân hàng và quản trị kinh doanh.

4. Về kỹ năng

4.1. Kỹ năng cứng

- Có kỹ năng tư duy pháp lý như: Tiếp nhận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để có hướng giải quyết.



- Có kỹ năng tổ chức công việc chuyên môn như: Truy cứu, cập nhật, phân loại các văn bản pháp luật, đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp...

- Có kỹ năng tham gia hoạch định, triển khai thực thi, giám sát, đánh giá các quy định của pháp luật kinh tế trong quản lý nhà nước về kinh tế.

- Có khả năng nhận thức và vận dụng những nội dung cơ bản của pháp luật quốc tế vào việc giải quyết những vấn đề thực tiễn Việt Nam.

- Có khả năng tư vấn, giải quyết các khiếu nại, tranh chấp, tham gia tranh tụng liên quan đến các vấn đề pháp lý về quản lý kinh tế.

4.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lập kế hoạch và quản lý thời gian.

- Có kỹ năng xây dựng quy chế, nội quy, điều lệ doanh nghiệp.

- Có kỹ năng làm việc nhóm; tự học, tự nghiên cứu; thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp và làm việc độc lập.

- Có kỹ năng thuyết trình, tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến văn bản pháp luật.

5. Về thái độ

- Có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

- Có ý thức công dân tốt, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

- Có thái độ cầu thị và ý chí vươn lên.

- Tích cực phát hiện và tham gia giải quyết những vấn đề pháp lý về kinh tế.

- Có phương pháp làm việc khoa học, cầu tiến, không ngừng học tập nâng cao trình độ; năng động sáng tạo trong giải quyết công việc; hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng trong công việc và cuộc sống.

- Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, tư duy năng động, coi trọng hiệu quả công việc.

6. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Luật kinh tế có thể làm việc tại các cơ quan, tổ chức sau:

- Làm việc tại các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp thuộc bộ máy nhà nước với vai trò: Cán bộ nghiên cứu, soạn thảo chính sách, dịch vụ công, tổ

NG
CƠ
HỌ
ĐỘ
Ả HỌ
*

chức thực thi pháp luật về kinh tế. Có thể được bổ nhiệm các chức danh tư pháp trong các cơ quan kiểm sát, tòa án, thi hành án.

- Làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế với vai trò: Chuyên gia pháp lý trong lĩnh vực kinh tế và thương mại, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, bảo hộ trí tuệ cho doanh nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài.

- Làm việc tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng với vai trò: giảng viên, nhà nghiên cứu.

- Tự thành lập hoặc tham gia thành lập các doanh nghiệp; tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp.

- Hành nghề tư vấn và thực hiện dịch vụ pháp lý về kinh tế và thương mại.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học tập sau đại học thuộc các chuyên ngành Luật ở các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

- Liên thông sang các ngành đào tạo khác ở trình độ đại học.

- Tiếp tục học tập sau đại học các chuyên ngành đào tạo khác sau khi có đủ số kiến thức chuyển đổi theo quy định.

- Tiếp tục học tập, bồi dưỡng để được cấp các chứng chỉ hành nghề luật sư, công chứng viên, thừa phát lại...

8. Các chương trình, tài liệu chuẩn đầu ra đã tham khảo

- Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo.

- Luật Giáo dục đại học năm 2012.

- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của trường Đại học Luật Hà Nội.

- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của trường Đại học Thương mại.

- Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

- Bộ Tiêu chuẩn AUN (ASEAN University Network).

